ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 112 /KH-UBND	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Quyết định 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Phê duyệt kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai hiệu quả, đồng bộ các nội dung tại Quyết định 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số *(Quyết định 392/QĐ-BTTTT)*.

Thu thập, cập nhật thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu *(CSDL)* địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia, để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.

2. Yêu cầu

Triển khai quyết liệt "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" và "Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên".

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số.

Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại địa phương với cấu trúc và các trường thông tin đúng theo quy định tại Quyết định 392/QĐ-BTTTT nhằm thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức khác.

Trong năm 2022, hoàn thành các trường thông tin cơ bản theo Phụ lục III; các năm tiếp theo sẽ cập nhật, bổ sung các trường thông tin nâng cao. Ứng dụng, khai thác địa chỉ số trong chương trình chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh

1.1. Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số của tỉnh. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo cấu trúc và tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản.

1.2. Khuyến khích thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

2.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác;

2.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

2.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, bản đồ ngành Tài nguyên và Môi trường, bản đồ ngành Giao thông v.v….

2.4. Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

3.1. Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

a) Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

b) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

c) Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

3.2. Hình thức thông báo: Việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: qua chính quyền xã, thôn, khối phố; qua tổ công nghệ số cộng đồng; gặp trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

3.3. Gắn biển địa chỉ số

a) Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào địa chỉ vật lý của đối tượng/công trình để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Khuyến khích các địa phương triển khai đồng bộ việc gắn Biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hoá, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương, hoặc các đối tượng/công trình tự gắn Biển địa chỉ số theo nhu cầu.

4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên.

4.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại Hưng Yên; Giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; Các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

4.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng, in ấn, tài liệu, ấn phẩm truyền thông; Thường xuyên tổng hợp và cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, truyền thanh cơ sở, theo các phương thức khác, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

4.3. Tham dự các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia do các cơ quan chức năng tổ chức.

4.4. Triển khai, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí của doanh nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật. Khuyến khích nguồn kinh phí xã hội hoá.

2. Các sở, ban ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ liên quan, chủ động bố trí kinh phí để thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kinh phí doanh nghiệp: Bưu điện tỉnh, các doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của đơn vị để thực hiện Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là đầu mối chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Bưu điện tỉnh thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 1.2, mục 1; điểm b, tiểu mục 3.3, mục 3; mục 4, phần II, Kế hoạch này.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; truyền thông, tập huấn, hướng dẫn sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số. Chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh, các Sở, ngành và các đơn vị

liên quan, UBND cấp huyện để thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành khi phát sinh nhu cầu quản lý, khai thác tại ngành, địa phương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai, bản đồ liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng địa chỉ số của tỉnh.

3. Công an tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh chia sẽ dữ liệu về dân cư để tích hợp trong quá trình cập nhận địa chỉ số, bản đồ số.

4. Sở Tài chính

Hướng dẫn các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng kinh phí và bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện các nhiệm vụ tại tiểu mục 3.1 theo các hình thức nêu tại tiểu mục 3.2, điểm a, điểm c, tiểu mục 3.3, mục 3, phần II, Kế hoạch này.

- Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử của đơn vị về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên của tỉnh, của địa phương.

- Chỉ đạo chính quyền xã, thôn, tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin và thông báo địa chỉ số, cơ sở dữ liệu địa chỉ số để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Chủ động đưa ứng dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên vào sử dụng phục vụ các lĩnh vực.

- Định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng, báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) báo cáo theo Phần II, III, IV Phụ lục IV gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Tổ triển khai Đề án 06 - Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp trong công tác tuyên truyền, triển khai bản đồ số tại địa phương.

6. Bưu điện tỉnh

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo kế hoạch với UBND tỉnh (Qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ tại mục 1, mục 2, phần II, Kế hoạch này.

- Phối hợp đào tạo và hướng dẫn sử dụng web/app thu thập các trường địa chỉ số nâng cao. Tham gia đào tạo cho các tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

- Phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố trong công tác thông báo địa chỉ số khi được yêu cầu và công tác tuyên truyền về địa chỉ số.

- Là đầu mối phối hợp với doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số để thu thập, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.

- Định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tháng trước ngày 20 hằng tháng, báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) báo cáo theo phần I, phần IV Phụ lục IV hoặc nội dung đột xuất khi được yêu cầu, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên; Báo Hưng Yên

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong tuyên truyền, quảng bá nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên.

- Lồng ghép xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên trong các trương trình chuyển đổi số của tỉnh.

8. Các Sở, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Phối hợp cung cấp thông tin; ứng dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hưng Yên trong công việc. Thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông về việc ứng dụng, khai thác của đơn vị, để tổng hợp, báo cáo.

(Có các phụ lục I, II, III, IV kèm theo Kế hoạch này).

Quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Hưng Yên, Đài PTTH Hưng Yên;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu VT, KGVX[Ph].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 08/06/2022 16:13:12

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC I:
Các trường địa chỉ số và nguyên tắc gán địa chỉ số

(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 08 / 6 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về "Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng" của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Toà nhà).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường./.

PHỤ LỤC II:
Phân loại đối tượng gán địa chỉ số
(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 08/ 6 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội*: (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (vii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (viii) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo*: (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, …); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm*: (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viên/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. *Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê*: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe – máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe – máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe – máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, …

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tenis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; … (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,…; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,… (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoả táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát

sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượi, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế niến nông, thuỷ, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thuỷ tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thuỷ điện, điện hạt nhật, điện gió, điện mặt trời, điện thuỷ triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, …), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng[1] không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, …

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi, …).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

---

[1] Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx

PHỤ LỤC III:
nội dung cơ bản thực hiện trong năm 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 08/6 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

- 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục I của Kế hoạch này.

- 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- Có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	**Xây dựng các Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số**			
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên	Sở TT&TT	Đơn vị thuộc Bộ TT&TT, Sở TN&MT, Bưu điện tỉnh	Tháng 3/2022
2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên của doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh	Bưu điện Việt Nam	Tháng 4/2022
II	**Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số**			
1	**Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh Hưng Yên**			
a	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II, III Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Sở TT&TT, Sở, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 4-6 năm 2022
b	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các	Sở TT&TT,	Bưu điện tỉnh	Tháng 4-12 năm 2022

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II, III Phụ lục II)	đơn vị liên quan		
2	**Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số**			
a	Thiết kế, phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh, thành phố (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở TT&TT	Đơn vị thuộc Bộ TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
b	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
c	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
d	Triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục I vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
3	**Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch**			
a	Tổng hợp, cung cấp thông tin tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình, trên các phương tiện thông tin	Sở TT&TT	Đài PT&TH, Báo Hưng Yên, các đơn vị	Tháng 4-12 năm 2022
b	Xây dựng, in ấn tài liệu, ấn phẩm, thực hiện các phương thức khác để truyền thông	Sở TT&TT	Đơn vị thuộc Bộ TT&TT	
c	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.	Sở TT&TT	UBND cấp huyện	
d	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 4-12 năm 2022
4	**Thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.**	Các ngành trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT, Sở TN&MT, Bưu điện tỉnh	Tháng 4-12 năm 2022

PHỤ LỤC IV:
Báo cáo tổng hợp chỉ tiêu về triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại Hưng Yên

(Kèm theo Kế hoạch số 112 /KH-UBND ngày 08 / 6 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị báo cáo: .....
Tháng .....năm 202....

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
I	**Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (Bưu điện tỉnh báo cáo)**					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
II	**Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)**					**Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo**
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
						báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
III	**Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)**	**Biển**				**Chỉ tiêu khuyến khích**
IV	**Số ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng (Sở, ngành, UBND cấp huyện, Bưu điện tỉnh báo cáo)**	**Ứng dụng**				**Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo**